

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

Số: /BC-SVHTTDL

BÁO CÁO

So sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ và trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện quy định về xây dựng hồ sơ văn bản quy phạm pháp luật, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ và trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030.

Do dự thảo Quyết định là văn bản ban hành mới để cụ thể hóa Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND, Bản so sánh, thuyết minh được trình bày theo hướng đối chiếu từng nội dung của dự thảo với căn cứ pháp lý, căn cứ chính sách và lý do quy định; không trình bày theo dạng so sánh “quy định hiện hành - nội dung sửa đổi, bổ sung” như đối với văn bản sửa đổi, bổ sung.

Nội dung so sánh, thuyết minh cụ thể như sau

STT	Nội dung dự thảo	Căn cứ pháp lý/chính sách	Nội dung quy định trong dự thảo	Thuyết minh, lý do quy định
1	Tên gọi Quyết định	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND	Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ và trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030.	Tên gọi phản ánh đúng thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh và nội dung được giao tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND.
2	Điều 1 dự thảo Quyết định	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Ban hành kèm theo Quyết định Quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ và trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển du lịch.	Đây là điều khoản xác lập văn bản kèm theo Quyết định, bảo đảm kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật.
3	Điều 2 dự thảo Quyết định	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Quy định hiệu lực thi hành của Quyết định.	Làm rõ thời điểm Quyết định có hiệu lực, bảo đảm cơ sở áp dụng thống nhất sau khi ban hành.

STT	Nội dung dự thảo	Căn cứ pháp lý/chính sách	Nội dung quy định trong dự thảo	Thuyết minh, lý do quy định
4	Điều 3 dự thảo Quyết định	Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND	Quy định trách nhiệm thi hành của các sở, ngành, UBND xã, phường và tổ chức, cá nhân liên quan.	Xác định chủ thể có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định sau khi ban hành.
5	Điều 1 Quy định - Phạm vi điều chỉnh	Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND	Quy định chi tiết về trình tự, thủ tục, hồ sơ, thẩm quyền giải quyết, lập dự toán, thanh toán, quyết toán, thu hồi kinh phí và trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ du lịch.	Cần quy định rõ phạm vi để thống nhất nội dung điều chỉnh của văn bản, tránh hiểu văn bản này ban hành thêm chính sách hỗ trợ mới. Dự thảo xác định phạm vi điều chỉnh theo Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND.
6	Điều 2 Quy định - Đối tượng áp dụng	Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND	Quy định nhóm đối tượng thụ hưởng chính sách và nhóm cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.	Làm rõ đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và chủ thể có trách nhiệm tổ chức thực hiện.
7	Điều 3 Quy định - Nguyên tắc thực hiện chính sách	Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND; pháp luật ngân sách nhà nước	Quy định nguyên tắc công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng điều kiện, hỗ trợ sau đầu tư, không hỗ trợ trùng lặp, không hỗ trợ trường hợp không đủ điều kiện.	Cần thiết để bảo đảm quản lý ngân sách, phòng ngừa trục lợi chính sách và thống nhất cách áp dụng giữa các địa phương.
8	Điều 4 Quy định - Cơ quan thực hiện chính sách	Luật Tổ chức chính quyền địa phương; pháp luật ngân sách; yêu cầu thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp	Giao UBND xã, phường là cơ quan giải quyết chính sách; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp; Sở Tài chính tham mưu kinh phí; các sở, ngành phối hợp.	Phù hợp vì các nội dung hỗ trợ gắn với địa bàn cơ sở, cần kiểm tra thực tế, xác minh hiện trạng và quản lý sau hỗ trợ.
9	Điều 5 Quy định - Đăng ký nhu cầu, kiểm tra hiện trạng, lập dự toán và giao kinh phí	Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND; pháp luật ngân sách nhà nước	Quy định tổ chức, cá nhân đăng ký nhu cầu hằng năm; UBND xã, phường kiểm tra hiện trạng, xác nhận đối tượng đủ điều kiện đăng ký; tổng hợp nhu cầu kinh phí.	Đây là bước quản lý ngân sách và kiểm soát hiện trạng trước khi thực hiện, không phải quyết định hỗ trợ. Nội dung này cần thiết vì chính sách hỗ trợ sau đầu tư nhưng ngân sách

STT	Nội dung dự thảo	Căn cứ pháp lý/chính sách	Nội dung quy định trong dự thảo	Thuyết minh, lý do quy định
				phải được tổng hợp, bố trí trước.
10	Điều 6 Quy định - Thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ	Luật Ngân sách nhà nước và quy định quản lý tài chính	Quy định UBND xã, phường quản lý, chi trả, thanh toán, quyết toán kinh phí; hỗ trợ sau đầu tư, không kiểm soát việc sử dụng kinh phí sau khi chi trả.	Phù hợp bản chất hỗ trợ sau đầu tư; tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nội dung đầu tư trước khi được xem xét hỗ trợ.
11	Điều 7 Quy định - Thu hồi kinh phí hỗ trợ	Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND; pháp luật ngân sách	Quy định các trường hợp thu hồi kinh phí và trách nhiệm hoàn trả kinh phí.	Cần thiết để xử lý trường hợp không duy trì cam kết, kê khai không trung thực, chuyên nhượng, tháo dỡ, thay đổi mục đích sử dụng hoặc vi phạm điều kiện hỗ trợ.
12	Điều 8 Quy định - Quy định chung về tiếp nhận, kiểm tra và giải quyết hồ sơ	Pháp luật về thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, dịch vụ công	Quy định cách thức nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, qua bưu chính; kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế; quyết định hỗ trợ hoặc trả lời không hỗ trợ.	Tạo khung chung cho 13 thủ tục cụ thể, bảo đảm thống nhất về tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và trả kết quả.
13	Điều 9 - Hỗ trợ bảo tồn lợp mái ngói âm dương nhà truyền thống	Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND	Quy định trình tự, thời hạn 30 ngày làm việc, thành phần hồ sơ 06 loại.	Cụ thể hóa chính sách hỗ trợ bảo tồn kiến trúc nhà truyền thống, bảo đảm có căn cứ xác định quyền sở hữu/sử dụng nhà, kết quả bảo tồn và chi phí thực hiện.
14	Điều 10 - Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà truyền thống để kinh doanh dịch vụ nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê	Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND; Luật Du lịch	Quy định trình tự, thời hạn 30 ngày làm việc, thành phần hồ sơ 09 loại.	Cần chứng minh cơ sở đã hoàn thành xây dựng/sửa chữa, có điều kiện kinh doanh lưu trú du lịch, đáp ứng yêu cầu an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy và cam kết khai thác phục vụ du lịch.
15	Điều 11 - Hỗ trợ đội văn nghệ dân tộc	Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND	Quy định trình tự, thời hạn 20 ngày làm việc, thành phần hồ sơ 09 loại.	Cụ thể hóa chính sách bảo tồn, phát huy văn hóa dân tộc gắn với phục vụ khách du lịch; hồ sơ cần chứng minh đội văn nghệ có tổ chức, thành viên, chương

STT	Nội dung dự thảo	Căn cứ pháp lý/chính sách	Nội dung quy định trong dự thảo	Thuyết minh, lý do quy định
				trình biểu diễn và chi phí mua sắm.
16	Điều 12 - Hỗ trợ đầu tư đường đi dạo bộ trong khu, điểm du lịch	Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND	Quy định trình tự, thời hạn 30 ngày làm việc, thành phần hồ sơ 10 loại.	Công trình có yếu tố xây dựng, hạ tầng kỹ thuật nên cần hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công, chứng minh chi phí và phương án quản lý, duy tu sau đầu tư.
17	Điều 13 - Hỗ trợ lắp đặt hệ thống đèn điện chiếu sáng năng lượng tự nhiên và chỉnh trang cảnh quan du lịch	Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND	Quy định trình tự, thời hạn 30 ngày làm việc, thành phần hồ sơ 09 loại.	Cần chứng minh số lượng, chủng loại, thông số thiết bị, vị trí lắp đặt, phạm vi chỉnh trang cảnh quan và phương án quản lý, bảo trì sau đầu tư.
18	Điều 14 - Hỗ trợ xây dựng hệ thống thu gom rác thải sinh hoạt	Khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND; pháp luật bảo vệ môi trường	Quy định trình tự, thời hạn 20 ngày làm việc, thành phần hồ sơ 10 loại.	Chính sách liên quan trực tiếp đến vệ sinh môi trường tại khu, điểm du lịch nên cần có hồ sơ công trình, hợp đồng hoặc thỏa thuận thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sau đầu tư.
19	Điều 15 - Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh công cộng	Khoản 4 Điều 5 Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND	Quy định trình tự, thời hạn 30 ngày làm việc, thành phần hồ sơ 09 loại.	Nhà vệ sinh công cộng là công trình phục vụ khách du lịch, cần chứng minh quy mô, kết cấu, trang thiết bị, hệ thống cấp thoát nước, thông gió và phương án quản lý, duy tu.
20	Điều 16 - Hỗ trợ xây dựng nhà đón tiếp, trưng bày giới thiệu sản phẩm và cung cấp thông tin du lịch	Khoản 5 Điều 5 Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND	Quy định trình tự, thời hạn 30 ngày làm việc, thành phần hồ sơ 10 loại.	Công trình có nhiều khu chức năng, vừa phục vụ đón tiếp, cung cấp thông tin, vừa trưng bày sản phẩm địa phương, nên cần hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công, danh mục sản phẩm và phương án vận hành.
21	Điều 17 - Hỗ trợ đầu tư thiết bị phục vụ quản lý tại khu, điểm du lịch	Khoản 6 Điều 5 Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND	Quy định trình tự, thời hạn 30 ngày làm việc, thành phần hồ sơ 09 loại.	Cần chứng minh quyền quản lý, khai thác khu, điểm du lịch; thiết bị đã mua sắm, lắp đặt, bàn giao, chạy thử; phương

STT	Nội dung dự thảo	Căn cứ pháp lý/chính sách	Nội dung quy định trong dự thảo	Thuyết minh, lý do quy định
				án quản lý, bảo trì thiết bị sau đầu tư.
22	Điều 18 - Hỗ trợ xây dựng điểm dừng chân phục vụ khách du lịch	Điều 6 Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND	Quy định trình tự, thời hạn 30 ngày làm việc, thành phần hồ sơ 12 loại.	Điểm dừng chân có nhiều hạng mục như bãi đỗ xe, vệ sinh công cộng, ăn uống, bán sản phẩm, cung cấp thông tin du lịch nên cần hồ sơ pháp lý đất đai, đầu tư xây dựng, môi trường, đăng ký kinh doanh và phương án vận hành.
23	Điều 19 - Hỗ trợ mua, đóng thuyền, tàu chở khách du lịch	Điều 7 Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND; pháp luật giao thông đường thủy nội địa	Quy định trình tự, thời hạn 30 ngày làm việc, thành phần hồ sơ 14 loại.	Phương tiện vận tải khách du lịch phải bảo đảm đăng ký, đăng kiểm, an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường, biển hiệu vận tải khách du lịch, bảo hiểm và phương án khai thác an toàn.
24	Điều 20 - Hỗ trợ đạt giải thưởng, danh hiệu du lịch trong nước và quốc tế	Điều 8 Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND	Quy định trình tự, thời hạn 10 ngày làm việc, thành phần hồ sơ 05 loại; không phải đăng ký nhu cầu trước.	Đây là chính sách hỗ trợ sau khi khu, điểm du lịch đã đạt giải thưởng, danh hiệu nên không cần kiểm tra hiện trạng trước. Hồ sơ tập trung chứng minh giải thưởng, hoạt động truyền thông quảng bá và quyền quản lý, khai thác khu, điểm du lịch.
25	Điều 21 - Hỗ trợ đầu tư phát triển các sản phẩm du lịch khác	Điều 9 Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND	Quy định trình tự, thời hạn 30 ngày làm việc, thành phần hồ sơ 15 loại.	Đây là nhóm sản phẩm đa dạng, có thể liên quan nhiều điều kiện chuyên ngành như an toàn, môi trường, phòng cháy chữa cháy, kiểm định thiết bị, bảo hiểm, nhân sự chuyên môn nên thành phần hồ sơ cần quy định đầy đủ để kiểm soát rủi ro.
26	Điều 22 - Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Chức năng, nhiệm vụ của Sở; Nghị quyết số	Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp nhu cầu kinh phí, kết quả thực hiện chính sách;	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chuyên môn quản lý lĩnh vực du lịch, cần

STT	Nội dung dự thảo	Căn cứ pháp lý/chính sách	Nội dung quy định trong dự thảo	Thuyết minh, lý do quy định
		23/2026/NQ-HĐND	tuyên truyền, phổ biến chính sách.	được giao vai trò đầu mối tổng hợp, hướng dẫn và báo cáo UBND tỉnh.
27	Điều 23 - Trách nhiệm của Sở Tài chính	Pháp luật ngân sách nhà nước	Tham mưu bố trí kinh phí; hướng dẫn lập dự toán, phân bổ, quản lý, thanh toán, quyết toán kinh phí.	Bảo đảm việc thực hiện chính sách phù hợp khả năng cân đối ngân sách và quy định quản lý tài chính.
28	Điều 24 - Trách nhiệm của các sở, ngành, cơ quan liên quan	Chức năng, nhiệm vụ của từng sở, ngành	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan phối hợp theo chức năng.	Các chính sách hỗ trợ có liên quan đến xây dựng, đất đai, môi trường, phòng cháy chữa cháy, an ninh, phương tiện thủy, thiết bị, sản phẩm, dịch vụ nên cần cơ chế phối hợp chuyên ngành.
29	Điều 25 - Trách nhiệm của UBND xã, phường	Luật Tổ chức chính quyền địa phương; yêu cầu thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp	Tuyên truyền, hướng dẫn đăng ký nhu cầu, kiểm tra hiện trạng, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, quyết định hỗ trợ, chi trả, thu hồi kinh phí và báo cáo kết quả.	UBND xã, phường là cấp trực tiếp gần địa bàn, thuận lợi kiểm tra thực tế, xác nhận thông tin, quản lý sau hỗ trợ.
30	Điều 26 - Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được hỗ trợ	Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND; quy định về quản lý, sử dụng ngân sách	Kê khai trung thực, cung cấp hồ sơ, thực hiện đúng nội dung đăng ký, duy trì hoạt động, chấp hành kiểm tra, hoàn trả kinh phí nếu bị thu hồi.	Làm rõ nghĩa vụ của đối tượng thụ hưởng, bảo đảm chính sách được sử dụng đúng mục đích, tránh trục lợi ngân sách.
31	Điều 27 - Chế độ thông tin, báo cáo và xử lý vướng mắc	Quy định về chế độ báo cáo; trách nhiệm quản lý nhà nước	UBND xã, phường báo cáo định kỳ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp báo cáo UBND tỉnh; phản ánh khó khăn, vướng mắc để tham mưu xử lý.	Cần thiết để theo dõi tiến độ, hiệu quả thực hiện chính sách và kịp thời xử lý vấn đề phát sinh trong giai đoạn 2026 - 2030.
32	Phụ lục I - Danh mục khu du lịch, điểm du lịch thuộc đối tượng áp dụng Điều 4, Điều 5	Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND; định hướng phát triển du lịch của tỉnh	Ban hành danh mục khu du lịch, điểm du lịch làm căn cứ áp dụng một số chính sách hỗ trợ.	Giúp xác định phạm vi áp dụng chính sách, tránh áp dụng tùy tiện, đồng thời tạo căn cứ cho xã, phường rà soát, tổng hợp nhu cầu.

STT	Nội dung dự thảo	Căn cứ pháp lý/chính sách	Nội dung quy định trong dự thảo	Thuyết minh, lý do quy định
33	Phụ lục II - Mẫu biểu thực hiện chính sách	Quy định về thủ tục hành chính, một cửa, kiểm soát TTHC	Ban hành các mẫu đơn đăng ký, đơn đề nghị, cam kết, biên bản kiểm tra, giấy xác nhận, báo cáo tổng hợp.	Chuẩn hóa hồ sơ, giảm cách hiểu khác nhau, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và cơ quan giải quyết hồ sơ.

Trên đây là báo cáo so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ và trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: QL DL, VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Hoài